

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2018/HNST

Ngày 13 tháng 11 năm 2018

V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M – TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Đẹp**.

2. Ông **Nguyễn Văn Long**.

-Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Tín** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Thanh Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 508/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2018 về tranh chấp “ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2018, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Thanh H**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố B, phường C, thành phố M, Tiền Giang.

2/ Bị đơn: Anh **Dương Văn T**, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố B, phường C, thành phố M, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo chị Ngô Thị Thanh H, chị và anh Dương Văn T sống chung vào năm 1990, có đăng ký kết hôn, do tìm hiểu. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2000, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh chị ly thân từ năm 2010 đến nay. Trong quá trình ly thân, anh chị không gặp gỡ nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Dương Thị Bích L, sinh ngày 29/5/1991 (đã trưởng thành) và Dương Ngọc Phượng L, sinh ngày 10/10/2000. Hiện tại cháu

Phượng L đã trưởng thành nên chị không yêu cầu về việc nuôi dưỡng con sau ly hôn.

Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Anh Dương Văn T vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Anh không gửi văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu: Về tố tụng: thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Chị H và anh T sống chung năm 1990, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh T có mâu thuẫn kéo dài. Anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H ly hôn với anh T. Về con chung: đến thời điểm xét xử, cháu Dương Ngọc Phượng L, sinh ngày 10/10/2000 đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét về vấn đề nuôi con. Về tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Ngô Thị Thanh H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Dương Văn T. Tranh chấp được xác định là “Ly hôn”, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Dương Văn T vắng mặt không lý do dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, chị Ngô Thị Thanh H và anh Dương Văn T sống chung năm 1988, có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị H yêu cầu được ly hôn nhưng anh T không có ý kiến về vấn đề này. Nhận thấy, chị H và anh T sống ly thân kéo dài. Trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị H được quyền ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Dương Thị Bích L, sinh ngày 29/5/1991 (đã trưởng thành) và Dương Ngọc Phượng L, sinh ngày 10/10/2000. Đến thời điểm xét xử, cháu Phượng L đã đủ 18 tuổi nên chị H không yêu cầu xem xét về vấn đề nuôi con là có cơ sở.

[5] Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Thanh H.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Thanh H được quyền ly hôn với anh Dương Văn T.

2/ Về con chung: đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ chung: không có.

5/ Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0012885 ngày 20 /7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M nên chị đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với anh T tính từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ).

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh TG.
- VKSND thành phố M.
- Chi cục THA DS.
- Đường sự.
- UBND xã T
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương